

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐITF

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+TD2	7:25	4+18	0+0		0+13	0+0	
2		BK9+BK3+P8	7:25	0+0+21	0+0+0		0+0+16	0+0+0	chuyen 1 Bk9-bk3
3		CTK3+PPD	7:25	10+12	0+0		10+12	0+0	
4		P4+TTC2+AMD	7:25	2+2+17	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
5		P4-P9+P10	9:25	19+2	0+0		10+0	0+0	
6		BK4+BK16+GTC1	9:25	12+5+5	0+0+0		0+5+8	0+0+0	
7		TD1+CTK3	9:25	6+16	0+0		0+16	0+0	
8		P11+PPD	11:25	10+12	0+0		0+10	0+0	
9		P8+BK15+P1	11:25	12+2+6	0+0+0		0+1+0	0+0+0	
10		BK5+CTK3	11:25	14+8	0+0		0+2	0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	TO: RC4 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC TU	RC4	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	VU TRUNG KIEN	RC4	82	1	12	20	74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN GIA CUONG	RC4	85	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ANH TUAN	RC4	81	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN CHINH	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC DUNG	TD2	20	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	VUONG DINH LIEN	TD2	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN BAC	TD2	04	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	TD2	300	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGOC DO	TD2	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET CHIEN	TD2	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	QUACH VAN TOI	TD2	02	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN THANG	TD2	13	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG DUC MẠNH	TD2	06	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	TD2	05	1	5	60	70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN QUAN	TD2	12	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	LE TRUONG LAM	TD2	19	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN BINH	TD2	07	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VAN QUYET	TD2	03	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
20	QUACH THE ANH	TD2	08	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	VO HONG HAI	TD2	10-11	2	8		74	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TRIET	TD2	09	1	5		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

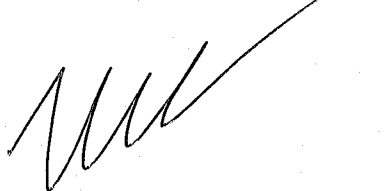
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	4	4	32	289	20	0		
2	TD2	18	18	88	1.345	60	13		
TOTAL		22	22	120	1.634	80	13		
WEIGHT KG				120	1.634	80			

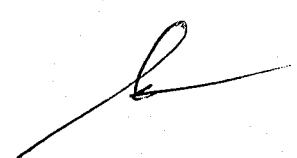
GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: BK9 - BK3 - P8	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P8					77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P8					66	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P8					59	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẬU VĂN MINH	P8					78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P8	41	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NAM	P8	37	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY LINH	P8	40	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN THANH	P8	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NGOC QUAN	P8	44-45	2	16		82	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P8					61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	P8	42	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	43	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HÒA	P8	36	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	HUỲNH TRUNG NGHĨA	P8	01	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGOC TU	P8	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRI HUNG	P8	86	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	87-88	2	18	40	65	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN HIỆP THỌ	P8	35	1	15		72	DUY LINH	Vietnamese
19	LÊ TIẾN THUẬT	P8	33	1	13		66	DUY LINH	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH SƠN	P8	34	1	13		66	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC HỢI	P8	39	1	9		70	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX BK9-BK3
2	BK3	0	0	0	0	0	0		
3	P8	21	18	133	1.523	40	16		
TOTAL		21	18	133	1.523	40	16		
WEIGHT KG				133	1.523	40			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - PPD	CREW: Dương - TTrung - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

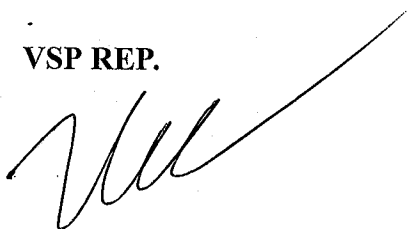
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	CTK3	61	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HOA	CTK3					72	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LONG	CTK3	64	1	15	5	71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	63	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	65	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG UỐC	CTK3	66	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	67	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	700	1	8		78	YTE	Vietnamese
12	VŨ CHI KIẾN	PPD	83	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MINH QUÂN	PPD	96	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	99	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	94	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC DƯ	PPD	91	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	95	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	90	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	97	1	5	100	84	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ HIẾN THANH	PPD	98	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG TUÂN HÙNG	PPD	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	KLY	PPD	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	8	53	745	5	10		01 DIEU PHAI GHE PHU:NGUYEN HONG MINH
2	PPD	12	12	67	867	100	12		
TOTAL		22	20	120	1.612	105	22		
WEIGHT KG				120	1.612	105			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

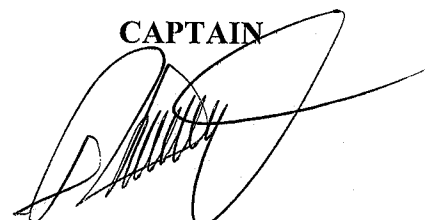
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2023	TO: P4 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Thành -	ETA: 09:30
VANG-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	P4	03-04	2	10	35	60	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THÀNH	TTC2	64	1	5	70	85	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TUNG TAI	TTC2	65-66	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ANH QUAN	AMD	39	1	10		66	TLJOC	Vietnamese
5	THAN CANH THINH	AMD	53-54	2	14		73	TLJOC	Vietnamese
6	HY TAC SANG	AMD	47-48	2	12		71	TLJOC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	42	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	17	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀNG VĂN BÀ	AMD	46	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	19-20	2	10		89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	49	1	10	48	62	TLJOC	Vietnamese
12	NGÔ NHAN TAM	AMD	23-25	3	19		81	TLJOC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU HOÀI NGUYỄN	AMD	21-22	2	25		66	TLJOC	Vietnamese
14	TRƯƠNG LÊ ANH DỪNG	AMD	40-41	2	17		92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUAN THIN	AMD	43	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	27-28	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	50-51	2	15	15	70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DỪNG	AMD	26	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH NGOAN	AMD	44-45	2	10		89	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN THIÊN	AMD	18	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	2	10	60	35	0		THAO 2 CHO DE CHO HANG
2	TTC2	2	3	15	155	70	0		
3	AMD	17	27	190	1.238	63	20		
TOTAL		20	32	215	1.453	168	20		
WEIGHT KG				215	1.453	168			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: P4 - P9 - P10	CREW: TUYỀN - XHOÀN - NNam	ETA: 11:40
CAM-2			

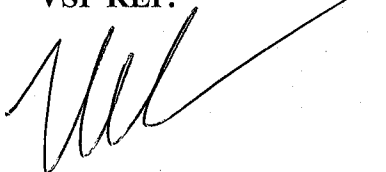
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ANH	P4	08	1	10	30	65	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HOANG	P9	98-99	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ BÍCH ANH	P9	94-95	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM CAO CUÔNG	P9	81-82	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TRÁ	P9	79-80	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese
6	HA VAN TRANG	P9	75-76	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN BÌNH	P9	69-70	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH THỌ	P9	92-93	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TOÀN	P9	77	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG QUYÊN	P9	96-97	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH THẢO	P9	300.01	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TÚ	P9	73-74	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ TÀI	P9	71-72	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HÙNG	P9	85	1	10	40	72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN DUY TIỀN	P9	86-88	3	18	10	70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH NGỌC	P9	91	1	15		90	XAYLAP	Vietnamese
17	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P9	89-90	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	P9	83-84	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẠO ĐỨC THAI	P10	05	1	15	20	85	KH-THAC	Vietnamese
20	HA QUANG TRUNG	P10	04	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	1	10	65	30	0		THAO 01 GHE DOI CHO HANG
2	P9	17	32	245	1.209	40 10	10		
3	P10	2	2	25	150	20	0		
TOTAL		20	35	280	1.424	90	10		
WEIGHT KG				280	1.424	90 +10			

GRAND TOAL: 1.794 KGS + 10 kg

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: BK4 - BK16 - GTC1	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÒA	BK4	18-19	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT HÙNG	BK4	91,900	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DỰ	BK4	85-86	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN DUÂN	BK4	20-21	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG MINH THẮNG	BK4	83	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN CƯỜNG	BK4	70,99	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY GIANG	BK4	81	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CẢNH CHUNG	BK4	84	1	12		50	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN TÙNG	BK4	69,899	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NAM	BK4	69	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG VĂN	BK4	82	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỘC	BK4	71	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LƯU VĂN SƠN	BK16	67	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	70	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRƯỜNG AN	BK16	68	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÀ	BK16					75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG THAI LONG	BK16	69	1	4		56	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG XUÂN HIÊU	GTC1	52	1	7	20	63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	53	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	51	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	55	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG HÀ	GTC1	54	1	6		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	12	18	177	777	0	0		
2	BK16	5	4	18	368	20	5		
3	GTC1	5	5	40	380	20	8		
TOTAL		22	27	235	1.525	40	13		
WEIGHT KG				235	1.525	40			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	TO: TD1 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 11:50
XANH-2			

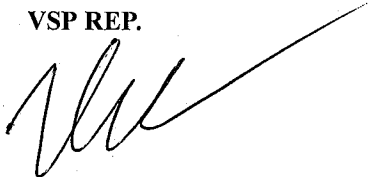
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TIẾN VINH	TD1	500-99	2	21		82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	98	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VĂN TUÂN	TD1	95	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN DANH CHIẾN	TD1	96-97	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD1	94	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐO VĂN ĐAI	TD1	93	1	5	40	80	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI	CTK3	89-90	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	81-82	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	70	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	83	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	77	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	75	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	86-87	2	60		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ MẠU MÊN	CTK3	85	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN ANH	CTK3	71-72	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	76	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI CÔNG	CTK3	79-80	2	10		91	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	73-74	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
21	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	84	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI THANH HOẠT	CTK3	88	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

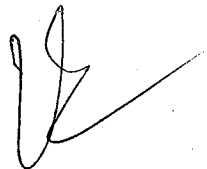
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	8	66	427	40	1		
2	CTK3	16	21	164	1.155	0	16		MR: Huy BLS Ngõ ghi pho
TOTAL		22	29	230	1.582	40	17		
WEIGHT KG				230	1.582	40			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

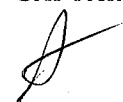
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: P11 - PPD	CREW: TUYỀN - XHOÀN - N.Nam	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SÁCH ĐỒN	P11	83	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CHUÔNG	P11	91	1	11		55	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG CƯỜNG	P11	86-87	2	25		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG SƠN	P11	84	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DUY LONG	P11	88-89	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÂN	P11	95-96	2	11		50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ KIM NGHIỆP	P11	94	1	14	51	81	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P11	92	1	11		76	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	P11	93	1	12		79	CODIEN	Vietnamese
10	ĐỖ LÝ KHÁNH	P11	90	1	10		87	PSV	Vietnamese
11	PHAN VĂN THẮNG	PPD	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	PPD	80	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC SƠN	PPD	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TÂN	PPD	72	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HAI	PPD	71	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	77-79	3	9		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	82	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	75-76	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	74	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LÂM	PPD	73	1	9		94	ANTOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD					76	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

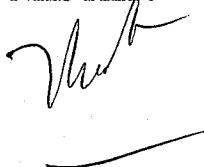
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	13	124	698	51	0		
2	PPD	12	13	66	904	0	10		
TOTAL		22	26	190	1.602	51	10		
WEIGHT KG				190	1.602	51			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	TO: P8 - BK15 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 14:05
TRANG-3			

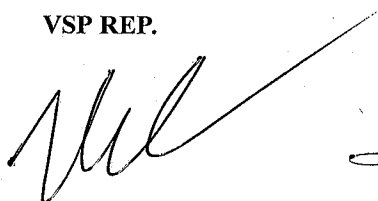
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THE HUNG	P8	21	1	10		63	DUY LINH	Vietnamese
2	LE DINH HUNG	P8	27	1	11		48	DUY LINH	Vietnamese
3	PHAM CONG HAU	P8	20	1	13		64	DUY LINH	Vietnamese
4	PHAM HUY TAN	P8	23	1	8		55	DUY LINH	Vietnamese
5	HOANG CONG LINH	P8	16	1	11		61	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG DU	P8	17	1	12		58	DUY LINH	Vietnamese
7	PHAM VAN TOAN	P8	30	1	9		55	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN TAN VUONG	P8	18-19	2	12		74	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYEN ANH VIET	P8	28-29	2	14		60	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYEN THANH PHONG	P8	26	1	8		64	DUY LINH	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG TAM	P8	22	1	10		77	DUY LINH	Vietnamese
12	HUYNH THANH TOAN	P8	24-25	2	10		75	DUY LINH	Vietnamese
13	NGUYEN THE HUY	BK15	61	1	10	10	82	CODIEN	Vietnamese
14	CAO DUY LUNG	BK15	62	1	7		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VIET LOC	P1	41-42	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN MANH HUNG	P1	44-45	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN THE ANH	P1	38	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese
18	VUONG MAI	P1	46-47	2	16	45	68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN VIET	P1	43	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MANH TUNG	P1	39-40	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

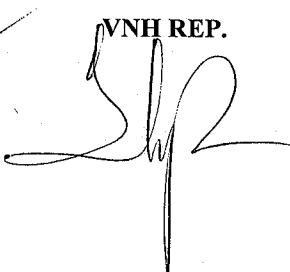
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	15	128	754	0	0		
2	BK15	2	2	17	137	10	1		
3	P1	6	10	83	437	45	0		
TOTAL		20	27	228	1.328	55	1		
WEIGHT KG				228	1.328	55			

GRAND TOTAL: 1.611 KGS

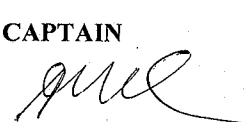
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/02/2023	TO: BK5 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 14:10
HONG - 3			

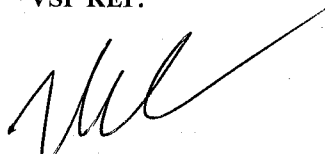
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK5	91	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY MẠNH	BK5	14	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	BK5	15	1	6	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ XUÂN TÂM	BK5	700	1	14		66	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO VĂN GIÁP	BK5	80-81	2	11		81	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG YẾN	BK5	05	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI THANH LONG	BK5	95-96	2	10		85	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI LINH	BK5	97	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG TRƯỜNG	BK5	11	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT HÙNG	BK5	06-07	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI SƠN HẢI	BK5	16-17	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ THANH NHÂN	BK5	20-21,28	3	18		68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ANH	BK5	98-99	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TIẾN	BK5	93-94	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	98	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	99	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	CTK3	92	1	8		57	ANTOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	91	1	7		63	PSV	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	97	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH TRUNG	CTK3	93-94	2	20		75	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÁT	CTK3	95-96	2	5		67	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	14	22	191	1.005	40	0		
2	CTK3	7	9	57	457	0	2		
TOTAL		21	31	248	1.462	40	2		
WEIGHT KG				248	1.462	40			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

